

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1221/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 701/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm

quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Đồng Nai; Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 36/TTr-SGTVT ngày 22 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính gồm:

- Danh mục 02 thủ tục hành chính cấp tỉnh được ban hành mới;
- Danh mục 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh được bãi bỏ (đã được công bố tại Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai).

(Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

- Ban hành mới: 02 quy trình nội bộ, quy trình điện tử cấp tỉnh;
- Bãi bỏ: 01 quy trình điện tử cấp tỉnh (đã được ban hành tại Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Đồng Nai).

(Quy trình nội bộ, điện tử giải quyết thủ tục hành chính kèm theo).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các nội dung khác tại Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2020, Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Giao thông vận tải, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên trang Thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải cập nhật nội dung các thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của Chính phủ.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải thực hiện cấu hình, cập nhật các nội dung, quy trình giải quyết thủ tục hành chính được công bố trên Phần mềm Một cửa điện tử (Egov) của tỉnh theo quy định. Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải; Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Giao thông vận tải;
- TT. Tỉnh ủy,
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, KTN, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.



CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, BÀI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH ĐỒNG NAI
1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI LĨNH VỰC ĐÀNG KIỂM

| S TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|------|----------|---|---|---|---|-------------|--|--|
| 1 | 1.001322 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới | 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến. | <ul style="list-style-type: none">- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;- Cơ quan phối hợp: Không có. | Không có | <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;- Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018. | Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 701/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. |

| S TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|---------|------------|--|---|--|--|----------------|--|--|
| 2 | 1.001296 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới | - 05 ngày làm việc đôi với trường hợp Giấy chứng nhận bị hỏng, mất. - 10 ngày làm việc đôi với trường hợp thay đổi điều kiện hoạt động. | Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức tuyên. | - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải; - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải; - Cơ quan phối hợp: Không có. | Không có | - Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; - Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018. | Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 701/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải |

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BẢO LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

| Sst | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ | Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính |
|-----|----------|--|---|
| 1 | 2.000909 | Thủ tục Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác | Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ. |



**QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Ban hành theo Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Phần I

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ CẤP TỈNH

**I. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI**

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ | Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov | Số trang tại Phần II |
|---------------------------|------------|--|---|---|---|----------------------------------|
| Lĩnh vực đăng kiểm | | | | | | |
| 1 | 1.001322 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới | 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Nai | Ban hành mới | 2 |
| 2 | 1.001296 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới | - 05 ngày làm việc đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị hỏng, mất. - 10 ngày làm việc đối với trường hợp thay đổi điều kiện hoạt động. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Nai | Ban hành mới | 3 - 4 |

II. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ BỊ BÃI BỎ

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính |
|--------------------------|----------|---|
| Lĩnh vực đường bộ | | |
| 1 | 2.000909 | Thủ tục Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác |

Phần II

NỘI DUNG QUY TRÌNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM

1. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

*** Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, nếu hồ sơ đầy đủ và phù hợp theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo thời gian kiểm tra, đánh giá Đơn vị;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá, Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra, đánh giá thực tế;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kiểm tra, đánh giá, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới hoặc thông báo bằng văn bản nếu kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu.

*** Lưu đồ giải quyết:**

| Nội dung công việc | Đơn vị thực hiện | Thời gian giải quyết (13 ngày làm việc) |
|--|--|---|
| Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày |
| Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh | Bộ phận nhận và trả kết quả của Sở | 0,5 ngày |
| Giải quyết hồ sơ | Phòng QL Vận tải Phương tiện & Người lái | 10,5 ngày |
| Ký duyệt hồ sơ | Lãnh đạo Sở GTVT | 01 ngày |
| Nhận và chuyển kết quả | Bộ phận nhận và trả kết quả của Sở | 0,25 ngày |
| Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,25 ngày |

2. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

2.1. Trường hợp giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng

a. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

b. Lưu đồ giải quyết:

| Nội dung công việc | Đơn vị thực hiện | Thời gian giải quyết (05 ngày làm việc) |
|--|--|---|
| Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,25 ngày |
| Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh | Bộ phận nhận và trả kết quả của Sở | 0,25 ngày |
| Giải quyết hồ sơ | Phòng QL Vận tải Phương tiện & Người lái | 3,5 ngày |
| Ký duyệt hồ sơ | Lãnh đạo Sở GTVT | 0,5 ngày |
| Nhận và chuyển kết quả | Bộ phận nhận và trả kết quả của Sở | 0,25 ngày |
| Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,25 ngày |

2.2. Trường hợp Đơn vị Đăng kiểm xe cơ giới có sự thay đổi về vị trí, mặt bằng, xưởng kiểm định, bố trí dây chuyền kiểm định khác với hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã được cấp hoặc thay đổi về thiết bị kiểm tra làm ảnh hưởng đến số lượng dây chuyền kiểm định được hoạt động.

a. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo của Đơn vị Đăng kiểm xe cơ giới, Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra, đánh giá nội dung thay đổi;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kiểm tra, đánh giá, Sở Giao thông vận tải cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới hoặc thông báo bằng văn bản nếu kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu.

b. Lưu đồ giải quyết:

| Nội dung công việc | Đơn vị thực hiện | Thời gian giải quyết (10 ngày làm việc) |
|--|--|---|
| Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,25 ngày |
| Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh | Bộ phận nhận và trả kết quả của Sở | 0,25 ngày |
| Giải quyết hồ sơ | Phòng QL Vận tải Phương tiện & Người lái | 08 ngày |
| Ký duyệt hồ sơ | Lãnh đạo Sở GTVT | 01 ngày |
| Nhận và chuyển kết quả | Bộ phận nhận và trả kết quả của Sở | 0,25 ngày |
| Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,25 ngày |